

ĐA DẠNG TÔN GIÁO TRUYỀN THỐNG: THÁCH THỨC VỀ LUẬT PHÁP TÔN GIÁO Ở MỘT SỐ NƯỚC ĐÔNG Á

***Tóm tắt:** Đông Á và một phần Đông Nam Á là khu vực có đời sống tôn giáo đa dạng, giàu bản sắc truyền thống và khoan dung về tôn giáo. Theo đà phát triển và hiện đại hóa về kinh tế - xã hội, các quốc gia trong khu vực đều lần lượt xuất hiện trào lưu phục hồi truyền thống. Ở Việt Nam, tình hình này cũng xảy ra trong thời kỳ Đổi mới. Nhiều phong tục và thực hành nghi lễ tôn giáo cổ truyền giữ vai trò nền tảng của quá trình chuyển đổi xã hội, nhưng cũng đặt ra không ít thách thức về luật pháp tôn giáo. Các quốc gia như Trung Quốc, Nhật Bản đều đã gặp phải vấn đề trên. Thông qua tìm hiểu luật pháp tôn giáo ở Trung Quốc, Nhật Bản, bài viết góp thêm những điểm tham chiếu có ích cho việc hoàn thiện luật pháp về tôn giáo ở Việt Nam trong bối cảnh đa dạng các niềm tin và thực hành tôn giáo truyền thống như hiện nay.*

***Từ khóa:** Đa dạng, Đông Á, luật pháp, tôn giáo truyền thống.*

Dẫn nhập

Nhiều nghiên cứu so sánh về đời sống tôn giáo ở Đông Á và một phần Đông Nam Á từ trước đến nay đều cho thấy sự tương đồng rõ rệt về sự khoan dung niềm tin tôn giáo và truyền thống thờ cúng đa thần có ở mỗi nền văn hóa, từ đó tạo nên mẫu số chung về văn hóa tôn giáo của cả khu vực. Kể cả khi bước vào thời kỳ hiện đại hóa và trở thành một trong những khu vực có nền kinh tế năng động bậc nhất thế giới, các quốc gia và vùng lãnh thổ: như Trung Quốc, Đài Loan, Nhật Bản, Hàn Quốc đều lần lượt xuất hiện trào lưu phục hồi truyền thống tương tự như ở Việt Nam thời kỳ Đổi mới. Nhiều phong tục và thực hành

* ThS., Viện Nghiên cứu Tôn giáo, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.
Bài viết được trích yếu từ Đề tài cấp Bộ (2015-2016): *Đa dạng tôn giáo và chính sách của nhà nước đối với sự đa dạng tôn giáo ở Việt Nam* do Viện Nghiên cứu Tôn giáo chủ trì.

nghi lễ tôn giáo cổ truyền giữ vai trò nền tảng của quá trình chuyển đổi xã hội (John Kleinen, 1999)¹. Ngày nay, ngoài sự hiện diện của các tôn giáo có nguồn gốc từ tôn giáo tôn thờ nhất thần (Monotheism) và tôn giáo mới, các tôn giáo truyền thống Á Đông (như Phật giáo, Không giáo và Đạo giáo, thờ cúng tổ tiên và các tôn giáo hỗn hợp giữa Tam giáo với các tôn giáo theo tập tục bản địa, v.v.) vẫn tồn tại và phát triển, khiến cho mức độ đa dạng tôn giáo của hầu hết các quốc gia trong những năm gần đây được ghi nhận ở nhóm cao hàng đầu thế giới². Tuy nhiên, trên thực tế, với những đặc trưng và biểu hiện khác biệt với tôn giáo Phương Tây, nhiều hình thức sinh hoạt tôn giáo truyền thống tuy thuộc về đại chúng (popular religion), nhưng thường không được nhìn nhận và ứng xử đồng đẳng với các tôn giáo có thiết chế giáo hội. Điều này diễn ra từ cuối thế kỷ 19 trở đi, do ảnh hưởng từ quan niệm tôn giáo Phương Tây, các niềm tin và thực hành tôn giáo được tích lũy bởi truyền thống và kinh nghiệm của các cá nhân, cộng đồng (hoặc tộc người) và xã hội thường bị quy vào loại mê tín, lạc hậu so với “tôn giáo” kiểu Phương Tây, được giới nghiên cứu đương thời gọi bằng thuật ngữ chung có gốc Hán tự là “tín ngưỡng dân gian” (ở Việt Nam hiện nay gọi là “tín ngưỡng”). Quan niệm đó theo thời gian ít nhiều đã được thay đổi, nhưng đến nay để lại không ít những thách thức về mặt định danh và xác định về mặt pháp luật đối với lĩnh vực tôn giáo truyền thống mỗi nước tùy theo giai đoạn và bối cảnh chính trị khác nhau. Trong khuôn khổ đề tài nghiên cứu về đa dạng tôn giáo và chính sách của nhà nước đối với sự đa dạng tôn giáo ở Việt Nam, việc tìm hiểu những vấn đề này trong các trường hợp cụ thể là Trung Quốc, Nhật Bản sẽ góp thêm điểm nhìn so sánh và tham chiếu có ích cho nghiên cứu chính sách, pháp luật về tôn giáo của Việt Nam trong bối cảnh đa dạng, đa nguyên tôn giáo và trong thực tế phục hồi mạnh mẽ các niềm tin và thực hành nghi lễ tôn giáo truyền thống như hiện nay.

1. Trường hợp Trung Quốc

1.1. Thực hành thờ cúng trong dân gian Trung Quốc trước và sau Cách mạng

Tương tự như Việt Nam, Trung Quốc là đất nước có đời sống tôn giáo hết sức đa dạng và phức tạp. Trong lịch sử cũng như hiện tại,

niềm tin tôn giáo và thực hành tôn giáo của người dân Trung Quốc, nhất là khu vực phía Nam sông Trường Giang có nhiều đặc điểm tương đồng với người Việt - đa thần và hỗn dung tôn giáo. Đối tượng thờ cúng trong dân gian được khái quát chủ yếu bao gồm ba loại: *thần thánh, vong hồn và tổ tiên*³, tương ứng với hoạt động thờ cúng ở gia đình, đền, miếu, từ đường với các cấp độ khác nhau: thờ cúng tổ tiên ở cấp độ gia tộc - hương thôn (do kết cấu tổ chức xã hội cổ truyền của người Trung Quốc thường là “một thôn một họ”); thờ cúng thần thánh, vong hồn ở cấp độ phổ cập, công cộng với nhiều dạng thức khác nhau, tùy theo chức năng và tính chất “thiện” hay “ác” của chúng.

Trong lịch sử xã hội phong kiến Trung Quốc, ngoài các tôn giáo chính thống là Khổng, Phật, Đạo và thờ cúng tổ tiên, nhiều loại thực hành thờ cúng thuộc về phong tục dân gian thường ở vào tình trạng bị áp chế bởi các chính sách loại bỏ “dâm từ” (những hình thức thờ cúng bậy bạ trong dân gian). Ngoài ra, còn có các tôn giáo dân gian vốn xuất hiện từ lâu đời dưới hình thức tổ chức tự phát, bí mật, thường gặp phải sự trấn áp của các triều đại phong kiến Trung Hoa vì nó thường liên quan đến vấn đề chính trị, như các các phong trào cứu thế và hội kín⁴. Đến thời kỳ Cách mạng Văn hóa, dưới ảnh hưởng của quan điểm Chủ nghĩa Mác-Lê nhìn về tôn giáo, các giá trị tôn giáo truyền thống tôn giáo của Trung Quốc bị coi là “mê tín phong kiến” và bị cấm đoán triệt để, toàn bộ hệ thống đền miếu hương thôn và các hoạt động tế tự từ trung ương đến địa phương đều bị đình chỉ, phá bỏ. Nhiều nghiên cứu khảo sát cho thấy, tính cho đến trước năm 1979, có đến một nửa số cơ sở thờ tự từng tồn tại trong lịch sử lâu đời của Trung Quốc bị phá hủy, mức độ và hậu quả để lại cho đến nay ở khu vực phía Bắc nghiêm trọng hơn nhiều so với khu vực phía Nam.

Từ thập niên 1980 trở đi, cùng với sự kết thúc của Cách mạng Văn hóa và sự bắt đầu công cuộc cải cách và mở cửa kinh tế, nhiều địa phương ở Trung Quốc xuất hiện trào lưu phục hưng và tái lập các truyền thống nghi lễ tôn giáo quy mô chưa từng có trong lịch sử, nhất là vùng duyên hải miền Đông Nam. Theo điều tra của giới nghiên cứu, có đến hơn 2.000.000 đền miếu dân gian của các hương thôn được trùng tu và xây mới cùng việc khôi phục các nghi lễ truyền thống. Chúng được xếp vào diện đền miếu thuộc tôn giáo dân

gian ở địa phương và thường nằm ngoài tầm khống chế của cơ quan quản lý nhà nước⁵. Nhà nước chỉ thống kê nơi thờ tự đã đăng ký, theo thống kê của Cục Sự vụ Tôn giáo, Trung Quốc hiện có 1.390.000 cơ sở thuộc 5 tôn giáo được nhà nước công nhận, trong đó Phật giáo 330.000 chùa, Đạo giáo 9.000 cung quán, Islam giáo 350.000 đền thờ, Công giáo 6.000 nhà thờ, Tin Lành 560.000 nhà thờ và điểm nhóm. Tuy nhiên, phần thống kê của Đạo giáo thường bao gồm các đền miếu dân gian. Ở nhiều địa phương, giới quản lý không nắm rõ chức năng và danh xưng phù hợp của các đền miếu hương thôn nên thường quy vào nơi thờ tự của Đạo giáo⁶. Đáng chú ý là ở Trung Quốc không có sự phân biệt rạch ròi và cụ thể như ở Việt Nam về danh xưng nơi thờ tự cùng đối tượng thờ cúng tương ứng, ngoài “tự, viện” dành cho Phật giáo, “giáo đường” của Công giáo và Tin lành, “tự”, “điện”, “miếu” là khái niệm được sử dụng cho cả Đạo giáo, Phật giáo, Khổng giáo và cả Islam giáo. Điều này cũng đã ảnh hưởng đến chính sách “Năm tôn giáo lớn” và việc chưa chính thức thừa nhận và bảo hộ pháp lý đối với các thực hành thờ cúng trong dân gian như dưới đây sẽ trình bày.

1.2. Chính sách pháp luật đối với tôn giáo dân gian ở Trung Quốc hiện nay

1.2.1. Trên phương diện chính sách của Đảng và Nhà nước

Cũng tương tự Việt Nam và các nước thuộc hệ thống xã hội chủ nghĩa trước đây, thuật ngữ “tôn giáo” mà Nhà nước Trung Quốc vận dụng trong hơn 50 năm qua hoàn toàn theo định nghĩa tôn giáo theo mô thức Phương Tây cổ điển, được luận giải theo quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lê nin về tôn giáo. Theo đó, một tôn giáo cần thiết phải có giáo hội, lãnh tụ tôn giáo, giáo lý và nghi lễ tôn giáo rõ ràng, trong đó yếu tố tổ chức là tiêu chuẩn quan trọng để nhìn nhận địa vị pháp lý của các hình thức sinh hoạt tôn giáo. Chính sách tổng thể của Trung Quốc là không khuyến khích phát triển tôn giáo, tuy cho phép các tôn giáo tồn tại, nhưng định hướng nó theo mục tiêu xã hội chủ nghĩa, xuất phát từ lập trường chính trị để nhìn nhận, xử lý vấn đề tôn giáo⁷. Tôn giáo ở Trung Quốc về cơ bản là thuộc phạm trù chính trị, là sự vụ chung mà không thuộc cá nhân thuần túy, càng không phải là vấn đề thuộc văn hóa. *Văn kiện số 19* năm 1982 - *Quan điểm cơ bản và*

Chính sách cơ bản về vấn đề tôn giáo thời kỳ xã hội chủ nghĩa của Trung Quốc xác định: “Tôn trọng tự do tín ngưỡng tôn giáo,” nhắc lại việc bảo hộ tự do tín ngưỡng tôn giáo được quy định trong pháp luật được ban bố trước năm 1949 và trong bộ *Hiến pháp* đầu tiên của Trung Quốc năm 1954. Các nhà phân tích Hiến pháp và chính sách tôn giáo Trung Quốc nhận xét, nội hàm “tự do tín ngưỡng tôn giáo” khác với quốc tế, chỉ chú trọng “niềm tin (tín ngưỡng)” vào 5 tôn giáo lớn: Phật giáo, Đạo giáo, Islam giáo, Công giáo và Tin Lành, không bao hàm “hoạt động” - phần thực tiễn xã hội của tôn giáo; vẫn chưa có sự xác định pháp lý rõ ràng cho lĩnh vực tín ngưỡng dân gian, bất chấp sự tồn tại, phát huy các chức năng xã hội và tâm linh của các tôn giáo khác như Do Thái giáo, Bhai'i, sinh hoạt lễ hội, thờ cúng tổ tiên và thần linh (như Ma Tổ hay Quan Công, v.v.)⁸.

Các văn bản pháp quy quản lý nhà nước về tôn giáo cũng nhắm đến các tôn giáo chính thức. *Văn kiện số 6* năm 1991 *Thông tri về việc tiến thêm một bước làm tốt một số vấn đề về công tác tôn giáo* quy định về tổ chức nội bộ đoàn thể tôn giáo, như nhân sự và tài chính, mọi đoàn thể tôn giáo cần phải đăng ký với chính quyền, chưa qua đăng ký là bất hợp pháp. Tháng 3 năm 2005, Quốc Vụ viện ban hành *Điều lệ sự vụ tôn giáo* là văn bản pháp quy cao nhất của Chính phủ Trung Quốc về tôn giáo cho đến nay, chủ yếu quy định về một số vấn đề hành chính như đăng ký, tổ chức nội bộ của đoàn thể tôn giáo và sự giám sát của cơ quan nhà nước đối với các hoạt động này⁹. Để hướng dẫn cụ về trình tự đăng ký, tháng 4 năm 2005, Cục Sự vụ Tôn giáo ban hành *Biện pháp đăng ký và xét duyệt việc thành lập địa điểm hoạt động tôn giáo*. Văn bản này được các địa phương vận dụng tương đối linh hoạt, một số tỉnh bắt đầu tạo điều kiện cho các cơ sở tôn giáo truyền thống trong được dân gian đăng ký, được hoạt động hợp pháp.

1.2.2. Trên phương diện thực thi chính sách tôn giáo liên quan đến tôn giáo truyền thống theo đặc thù địa phương

Điều lệ sự vụ tôn giáo sau khi ban hành năm 2005, đã gặp phải những hồi ứng vừa tích cực vừa tiêu cực từ các giới trong xã hội. Việc không đề cập rõ ràng đến lĩnh vực tín ngưỡng dân gian là một trong những điểm khiếm khuyết mà giới học thuật lẫn giới quản lý thường nhắc đến trong 10 năm thực thi *Điều lệ*. Vấn đề thường được đặt ra từ

thực tiễn là, tín ngưỡng dân gian không hình thành bởi một tổ chức giáo hội để nhà nước công nhận và quản lý, nhưng lại là thực thể xã hội năng động, với hệ thống thờ tự, đông đảo quần chúng tin theo và thực hành, và hơn nữa, hoạt động của nó liên quan đến hầu hết các lĩnh vực dân sự khác, như: đất đai, tài sản, chủ thể tài chính, tổ chức tự nguyện trong xã hội, v.v.. Vấn đề các nơi thờ tự dân gian thường gặp là không có tư cách pháp nhân để mở tài khoản, hoặc xin phép đăng ký bất cứ hoạt động thờ cúng hoặc lễ hội nào. Trước tình hình đó, năm 2007, Chính phủ Trung Quốc bắt đầu có động thái thừa nhận lĩnh vực hoạt động tín ngưỡng dân gian. Cục Sự vụ Tôn giáo thiết lập thêm “Ban Thứ tư” nhằm quản lý tín ngưỡng dân gian và tôn giáo mới¹⁰, ủng hộ các địa phương thí điểm công tác quản lý tín ngưỡng dân gian. Một số tỉnh và thành phố căn cứ vào *Điều lệ sự vụ tôn giáo* (2005), dựa vào tình hình địa phương chế định *Điều lệ sự vụ tôn giáo* theo cấp hành chính tương ứng. Đặc biệt, ở một số tỉnh phía Nam hoặc Đông Nam như Hồ Nam, Chiết Giang, Phúc Kiến, Quảng Đông, v.v., đều thiết lập thêm điều khoản phụ của *Điều lệ* hoặc ra các văn bản hướng dẫn hoặc về việc đăng ký cơ sở thờ tự và hoạt động tín ngưỡng dân gian. Các sự vụ liên quan đều tiến hành bởi Cục Sự vụ Tôn giáo, hoặc Cục Dân tộc, Tôn giáo các cấp giải quyết. Như vậy, có thể thấy, Trung Quốc khác với Việt Nam trong việc thực hiện quản lý đối với hoạt động tín ngưỡng dân gian. Tuy nhiên, theo nhận định của nhiều nhà nghiên cứu, vấn đề quản lý nhà nước về tôn giáo truyền thống dân gian ở Trung Quốc hiện nay vẫn còn ở vào giai đoạn sơ khởi và đầy khó khăn phức tạp, thể hiện rõ nhất ở ba vấn đề sau:

(1) Nhà nước Trung Quốc hiện nay vẫn chưa xác định rõ ràng về mặt pháp luật cho lĩnh vực tín ngưỡng dân gian, ví dụ: thờ cúng Quan Công, Ma Tổ hay các hoạt động tôn giáo mang tính địa phương khác.

(2) Trung Quốc hiện nay vẫn thiếu căn cứ luật pháp để quản lý tốt nhân sự, cơ sở thờ tự và hoạt động của các nghi lễ tôn giáo ngoài 5 tôn giáo chính thức, từ phía chủ thể tín ngưỡng do theo tập quán phong tục là thuộc về cộng đồng thôn xóm truyền thống với sự quản lý luân lưu của hội đồng bộ lão, do đó, không hội đủ các điều kiện pháp lý (nhân thân, quyền sở hữu đất đai, tài sản, tập hợp tín đồ) để thực hiện đăng ký tư cách pháp nhân.

(3) Các niềm tin và thực hành thờ cúng trong dân gian cho dù mang tính tôn giáo, có chức năng tôn giáo, tồn tại dưới hình thức tổ chức xã hội tản mạn trong dân gian, không thuộc tôn giáo có thiết chế tổ chức, một phần nội dung của nó lại thuộc phạm trù “di sản văn hóa phi vật thể”, nó đồng thời chịu sự quản lý của nhiều ngành: Dân tộc - Tôn giáo, Mặt trận, Bộ Văn hóa, Ban Xây dựng nếp sống văn minh, và cả ngành du lịch. Mỗi ngành quản lý một lĩnh vực: Bộ Đất đai quản lý việc xây dựng tu sửa đền miếu; Bộ Tài chính quản lý việc thu phí và công đức trong hoạt động tín ngưỡng và nghi lễ; Mặt trận và Bộ Dân chính quản lý nhân sự; Bộ Công an quản lý an ninh trật tự, v.v.. Có thể thấy, việc đẩy nhanh chính sách quản lý nhà nước về tôn giáo truyền thống dân gian đang cần sự kết hợp đồng thời với sự đổi mới chính sách tôn giáo, hoàn thiện luật pháp tôn giáo và các chính sách quản lý xã hội khác của Trung Quốc.

2. Trường hợp Nhật Bản

2.1. Tôn giáo dân gian truyền thống trong tiến trình thể chế hóa của Thần đạo trong lịch sử Nhật Bản

Cũng giống như những quốc gia Đông Á khác, Nhật Bản có truyền thống văn hóa tôn giáo phong phú đa dạng và mang đậm tinh thần khoan dung tôn giáo, người dân đồng thời tiếp nhận và thực hành các niềm tin và thực hành tôn giáo theo phong tục tập quán và các tôn giáo đến từ bên ngoài. Rất nhiều học giả và nhà quản lý tôn giáo Nhật Bản lấy trường hợp con số thống kê 272 triệu tín đồ tôn giáo¹¹ ở Nhật Bản, cao gấp đôi dân số nước này nhằm nói lên tình trạng người Nhật cùng một lúc thực hành theo hai hoặc ba tôn giáo trở lên, do đó vào năm 1995 theo thống kê của cuốn niên giám về tôn giáo của Hiệp hội Văn hóa thì tín đồ của tất cả các giáo phái cộng lại là 219,83 triệu, gần gấp đôi dân số Nhật lúc bấy giờ là 120 triệu người. Nhưng trên thực tế, với câu hỏi phỏng vấn của nhà nghiên cứu “ông/ bà theo tôn giáo nào” thì đến 80% người dân Nhật Bản được hỏi trả lời là không theo tôn giáo nào cả, kể cả khi họ vẫn đến đền chùa, nhà thờ thực hiện các nghi lễ cần thiết cho cuộc sống và sinh mệnh của bản thân và gia đình. Sở dĩ như vậy là vì Hiến pháp Nhật Bản từ sau Thế chiến II đã quy định nguyên tắc tự do tôn giáo. Nhà nước khó có thể điều tra được một cách nghiêm ngặt, con số chủ yếu do các pháp nhân tôn giáo báo cáo lên.

Ngày nay, tốc độ hiện đại hóa và đô thị hóa rất cao của Nhật Bản đã phá vỡ phần nào mối liên hệ giữa kết xã hội cấu truyền thống là gia đình - thôn xóm - chùa/ đền, nhưng đại đa số người dân Nhật Bản vừa thực hành nghi lễ Phật giáo, vừa là thờ cúng theo nghi lễ Thần đạo. Một phần nền tảng tôn giáo truyền thống bản địa dưới ảnh hưởng nhất định của Đạo giáo, Phật giáo và ý thức hệ phong kiến Nhật Bản lại kết tinh và tạo nên một hình thức tôn giáo dân tộc mà ai cũng đã biết đến, đó là Thần đạo (Shinto). Nói cách khác, như học giả Nhật Bản Ichiro Hori (1994) trong chuyên khảo *Folk Religion in Japan - Continuity and Change* đã chỉ ra, “tiền thân của Thần đạo chính là tôn giáo dân gian bắt nguồn từ truyền thống lâu đời của xã hội nông nghiệp Nhật Bản”¹². Hình thái tôn giáo được thể chế hóa vào thời Cận đại, kể từ sau Cách mạng Duy Tân 1867, trong bối cảnh tiếp xúc với thế giới Phương Tây với tôn giáo Cơ Đốc giáo là trụ cột. Sự thúc ép về tạo dựng một thể chế nhà nước dân tộc đối trọng với văn minh Châu Âu đã khiến cho Chính phủ Duy tân Minh Trị xác lập Thần đạo thành quốc giáo, với dụng ý như một tôn giáo (Religion) có chức năng như một triết thuyết nền tảng cho tinh thần quốc gia (national philosophy), theo hình mẫu Cơ Đốc giáo, nhưng việc này đã gây ra sự đối lập với các lực lượng tôn giáo truyền thống thuộc dân gian. Đây chính là thời điểm các học giả Tây học người Nhật thông qua việc du nhập và dịch thuật khái niệm *Religion* cũng mô thức thể chế của nó, tổng hợp và lựa chọn một tôn giáo - Thần đạo phục vụ mô thức chính trị và tôn giáo hợp nhất, nhưng kế hoạch này bị thất bại, Hiến pháp Minh Trị 1899 đã tách bạch tôn giáo ra khỏi chính thể, quốc giáo chưa bao giờ tồn tại trên phương diện luật pháp của nước Nhật, nhưng một phần nội dung thuộc tôn giáo dân gian truyền thống của người Nhật đã được thể chế hóa trong hệ thống Thần đạo từ thời kỳ đó.

Cũng vào thời kỳ Cận đại, trong bối cảnh ảnh hưởng mạnh mẽ của ý niệm và mô thức tôn giáo theo mô hình Phương Tây, giới nghiên cứu Tôn giáo học và Dân tộc học Nhật Bản càng nhận thức rõ rệt một thực tại sống động của các hình thái niềm tin và thực hành thờ cúng trong dân gian, trở thành một đối tượng được quan tâm nghiên cứu, khái niệm “tôn giáo dân gian” do đó được hình thành. Masaharu Anesaki (1873-1949) đưa ra vào năm 1897, nội hàm của nó nhằm chỉ

ra: trong dân gian Nhật Bản tồn tại những tập tục tín ngưỡng khác với các tôn giáo có tổ chức, đối tượng sùng bái cụ thể của nó bao gồm các hiện tượng tự nhiên và các tạo vật thiêng được truyền từ đời này qua đời khác, và cả các thần linh, giáo lý và tập tục của các tôn giáo có tổ chức¹³. Thuật ngữ này được giới thuyết lại nhiều lần trong giới nghiên cứu Nhật Bản, theo xu hướng bao hàm “các niềm tin và thực hành cúng của đại chúng, gắn với nông dân, có tính dân gian và phi quan phương”. Những năm 1930 được sử dụng ở Trung Quốc và một số quốc gia cùng sử dụng khối chữ vuông thời bấy giờ, trong đó có Việt Nam, trở thành thuật ngữ phổ biến trong lĩnh vực nghiên cứu tôn giáo và Folklore (Dân tục học)”¹⁴. Sau nhiều tranh luận về sự bất hợp lý của thuật ngữ “tín ngưỡng dân gian”, từ thập niên 1970 đến nay, giới nghiên cứu Nhật Bản sử dụng thuật ngữ “Tôn giáo dân tục” (民俗宗教) để chỉ loại hình tôn giáo này¹⁵.

Ngày nay, con số thống kê được là có 170 triệu người là tín đồ, 9 vạn đền thờ và 10 vạn tu sỹ dưới danh nghĩa Thần đạo. Như vậy, lẽ dĩ nhiên là việc thống kê thành phần thuộc tôn giáo dân gian hầu như là bất khả thi, đồng thời trên phương diện luật pháp cũng vậy, không có điều khoản nào đề cập một cách trực tiếp đến “tín ngưỡng/tôn giáo dân gian”, cho dù trên thực tế đây chính ra một lĩnh vực thực tiễn phản ánh thực chất và đầy đủ nhất đời sống tôn giáo của người Nhật Bản trong quá khứ và hiện tại.

2.2. Tính đa dạng, bản sắc truyền thống bối cảnh đa dạng tôn giáo của Nhật Bản hiện nay

Như đã trình bày ở trên, do quá trình thể chế hóa truyền thống thờ đa thần của người Nhật Bản, từ phương diện chính sách pháp luật sẽ khó nắm bắt hoặc thống kê được các con số liên quan đến tín ngưỡng và thực hành tôn giáo cổ truyền đang tồn tại trong đời sống xã hội. Nhưng trên phương diện nghiên cứu khoa học, đời sống tín ngưỡng dân gian của người Nhật vẫn được sự quan tâm của các bộ môn khoa học xã hội khác. Nhiều nghiên cứu cho thấy, hiện nay sinh hoạt tín ngưỡng dân gian của người Nhật vẫn gắn liền với phong tục tập quán, vì vậy ngày nay, tín ngưỡng dân gian được tiếp cận nghiên cứu chủ yếu trên phương diện văn hóa dân gian (Dân tục học - Folklore) và Tôn giáo học. Cũng giống như Việt Nam, nhiều nội dung thuộc lĩnh

vực tôn giáo dân gian Nhật Bản, như: tế tự, lễ hội, thờ cúng tổ tiên, tín ngưỡng nông nghiệp, ma thuật và shamanism được quy về danh mục Di sản văn hóa phi vật thể được pháp luật bảo hộ¹⁶.

Trên phương diện tổng thể nền văn hóa tôn giáo Nhật Bản từ diễn trình lịch sử, giới nghiên cứu tôn giáo Nhật Bản đã công nhận một mô thức hỗn dung tôn giáo mạnh mẽ trên nền tảng một phương thức tích lũy truyền thống (Cổ tảng) hết sức độc đáo¹⁷, trong đó tín ngưỡng thần linh là nền tảng, kể cả khi Phật giáo truyền bá rộng rãi và cắm rễ lâu đời ở Nhật Bản kể từ thế kỷ 7 trở đi, người ta vẫn nhận thấy thực tế hỗn dung tín ngưỡng Phật giáo với việc thờ cúng thần linh bản địa, thuật ngữ phổ biến là Shinbutsu Syugou (hỗn dung Thần - Phật). Người dân cũng tế thần linh chung với các vị Bồ tát của Phật giáo, chức năng của chùa chiền và đền miếu là ngang nhau và đều giữ vai trò là trung tâm kết nối cộng đồng thôn xã. Học giả Nhật Bản cho biết, cho hiện tại người Nhật Bản vẫn không phân biệt rạch ròi trong thực hành thờ cúng giữa các vị thần linh và Phật - Bồ tát¹⁸.

Tinh thần hỗn dung tôn giáo như nêu trên khiến cho Phật giáo ở Nhật Bản mang đặc trưng bản địa hóa, có phần khác biệt so với Phật giáo các nước Đông Á và Đông Nam Á. Ngày nay, có hơn 100 tông phái khác nhau của Phật giáo Nhật Bản đều là kết quả của quá trình giao thoa, dung hợp với một trong những hình thái tôn giáo dân gian bản địa nào đó với Phật giáo thời kỳ đầu được truyền bá như: Jodo, Jodo Shin, Nichiren Shonin, Tendai và Zen, v.v.. Đồng thời, đời sống tôn giáo dân gian truyền thống của Nhật Bản vẫn tồn tại năng động và đa dạng, góp phần duy trì sự phát triển hài hòa từ trong cộng đồng thôn xã cho đến cấp độ quốc gia.

Đặc trưng chung của tôn giáo truyền thống Nhật Bản là đa dạng và phức tạp. Ở mỗi giai đoạn lịch sử, các tín ngưỡng và sự thờ cúng thần linh bản địa được không ngừng bị thay đổi, có xu hướng thể chế hóa khi tiếp thu tôn giáo ngoại lai, từ đó hình thành nên rất nhiều tổ chức tôn giáo mới mang màu sắc truyền thống trong xã hội hiện đại. Đồng thời, cả ba tôn giáo chính Phật giáo, Thần đạo, Cơ Đốc giáo đều thể hiện tinh thần dung hòa và đối thoại tôn giáo, có xu hướng bản địa hóa, cùng nhắm đến mục tiêu giải đáp các vấn đề về tự nhiên, con người, lịch sử xã hội và văn hóa Nhật Bản.

2.3. Niềm tin và thực hành tôn giáo truyền thống trong lập pháp tôn giáo Nhật Bản

Như trên đã trình bày, niềm tin và thực hành tôn giáo truyền thống (tôn giáo dân tục) dưới danh nghĩa Thần đạo là một trong hai loại tôn giáo chủ lưu của trong xã hội Nhật Bản. Phần nhiều nội dung và hình thức của chúng được thể chế hóa, hoặc theo Thần đạo, hoặc theo Phật giáo, bởi vậy, trên phương diện pháp chế, khái niệm “tôn giáo dân tục” dường như không được nhắc đến, tất cả được quy về phạm trù tôn giáo, vận động theo mục tiêu hợp pháp hóa dưới danh nghĩa đoàn thể tôn giáo có tư cách pháp nhân. Đây là một trong những điểm khác biệt về mặt phân loại hình thái tôn giáo trên phương diện quản lý nhà nước và lập pháp tôn giáo của Nhật Bản so với Việt Nam.

Sau Chiến tranh Thế giới thứ Hai, Nhật Bản xóa bỏ nguyên tắc hợp nhất việc tế tự với chính thể, dùng tôn giáo để phục vụ cho thể chế chính trị theo mô thức nhà nước quân chủ hiện đại, vốn được áp dụng triệt để cho đến khi Thế chiến II kết thúc. Tháng 12 năm 1945, nhà nước xóa bỏ chính sách độc tôn Thần đạo, xác lập tự do tín ngưỡng, thực hiện tách bạch tôn giáo khỏi chính thể nhà nước. Luật *Đoàn thể tôn giáo* (宗教團體法) được ban bố nhằm bảo hộ Thần đạo năm 1940 bị bãi bỏ, các tôn giáo trở nên bình đẳng, có quyền quyết định hướng đi và nắm lấy cơ hội phát triển cho mình, không can dự vào chính trị mà chỉ thuần túy hoạt động về tư tưởng, tinh thần¹⁹. Hiến pháp công bố năm 1947 một lần nữa quy định rõ “tự do tín ngưỡng” (Tự do niềm tin tôn giáo) và tách biệt chính trị với tôn giáo.

Quy định của *Hiến pháp* và *Sắc lệnh Pháp nhân tôn giáo* (tiền thân của *Luật Pháp nhân tôn giáo*) đặt ra nhiều khó khăn không chỉ cho Thần đạo, mà cho cả Phật giáo và một số tôn giáo lớn khác, do trước đó các tôn giáo này đều được chính phủ bảo hộ. Theo đó, một số đặc quyền đặc lợi của một số tôn giáo lớn bị xóa bỏ. Mặt khác, một số tông phái Phật giáo chia tách, phát triển từ 13 tông phái thành 28 tông phái. Năm 1952, *Luật Pháp nhân tôn giáo* (宗教法人法) được ban hành, theo đó công nhận quyền kinh doanh và hoạt động kinh tế hợp pháp của các tổ chức pháp nhân tôn giáo nói chung và Phật giáo nói riêng. Sự kiện này thúc đẩy xu thế “thể tục hóa” mạnh mẽ trong nội bộ các tông phái Phật giáo kể từ sau năm 1945, đồng thời cũng tạo điều

kiện cho các tôn giáo dân gian phục hồi mạnh mẽ. Trong giai đoạn kinh tế tăng trưởng thần tốc, cùng với quá trình đô thị hóa, kết cấu tổ chức tín đồ các tông phái có sự thay đổi và xáo trộn to lớn. Đồng thời, trào lưu di cư từ nông thôn lên thành phố cũng đã gây ra sự suy giảm dân số tại vùng nông thôn và tỉnh lẻ, dẫn tới phá vỡ cấu trúc gia đình truyền thống, các mối quan hệ truyền thống cộng đồng theo kết cấu nhà - làng xoay quanh trục thờ cúng Thần - Phật phai nhạt dần, nhưng các ngôi chùa Phật giáo hoặc Thần đạo gia tăng hoạt động dịch vụ tâm linh và kinh tế nhằm đáp ứng nhu cầu cho chính những người dân Nhật Bản xa quê hương. Theo thống kê của giới nghiên cứu, số lượng tổ chức tôn giáo có tính hỗn hợp tăng rất nhanh kể từ năm 1945, trước đó ở Nhật Bản chỉ có 43 tổ chức tôn giáo được nhà nước công nhận, trong đó có 13 tổ chức Thần đạo, 20 tổ chức Phật giáo, 2 tổ chức Cơ Đốc giáo (1 Công giáo và 1 Tin Lành). Nhưng sau khi *Sắc lệnh Pháp nhân tôn giáo* (宗教法人令) và *Luật Pháp nhân tôn giáo* (宗教法人法) được ban hành thì số giáo phái đăng ký tư cách pháp nhân tăng gấp 10 lần tính đến năm 1949 với 430 tổ chức, theo đó số cơ sở thờ tự tách ra hoạt động độc lập lên đến 1.546. Mặc dù suốt hơn nửa thế kỷ qua, cùng với những bước thăng trầm của đời sống kinh tế - xã hội, các tổ chức đoàn thể tôn giáo mới ở Nhật Bản cũng trải qua những bước phát triển khác nhau tùy từng giai đoạn, nhưng theo chiều hướng không ngừng tăng²⁰. Theo thống kê của Bộ Văn hóa Nhật Bản năm 2013 (căn cứ theo con số báo cáo từ các đoàn thể tôn giáo), cơ cấu các thành phần tôn giáo và cơ sở thờ tự tương ứng ở Nhật Bản có thể khái quát theo bốn nhóm chính như sau²¹:

Cơ cấu	Thần Đạo	Phật giáo	Kitô giáo	Tôn giáo khác
Đền thờ, chùa miếu, giáo đường, các nơi thờ tự khác	88.004	85.343	9.281	37.761
Chức sắc (tăng ni, mục sư, linh mục/giáo sĩ)	77.434	332.971	29.160	214.732
Tín đồ	100.770.882	84.708.309	1.920.892	9.490.446

Từ những con số thống kê nói trên, có thể thấy tại Nhật Bản hiện nay, Thần đạo và Phật giáo vẫn là hai tôn giáo chủ lưu có ảnh hưởng rộng rãi nhất, trong khi đó, Kitô giáo (bao gồm Công giáo và Tin

Lành) mặc dù có hệ thống tổ chức chặt chẽ, nhưng lại có quy mô rất khiêm tốn. Số lượng các tôn giáo mới cũng hết sức phát triển, nguyên nhân của nó cũng đã được phân tích ở trên, về cơ bản có thể thấy vai trò quan trọng của *Luật Pháp nhân tôn giáo* được ban bố sau Chiến tranh trong việc tạo điều kiện và không gian pháp lý cho mọi hoạt động tôn giáo, bất kể là tôn giáo truyền thống hay tôn giáo mới. Ngoài ra, quá trình đô thị hóa, hiện đại hóa và sức ép phát triển kinh tế - xã hội cũng chính là một trong những động lực để các tổ chức tôn giáo tự thân điều chỉnh nhằm đáp ứng các nhu cầu của đời sống tâm linh của người dân Nhật Bản trong bối cảnh đa dạng hóa, hiện đại hóa.

Kết luận

Bài viết này không đi đến sự so sánh cụ thể về chính sách đối với lĩnh vực tôn giáo truyền thống trong xã hội dân gian ở Trung Quốc và Nhật Bản, nhưng về tổng thể, có thể thấy được những vấn đề chung và đặc thù của mỗi nước đối với lĩnh vực niềm tin và thực hành tôn giáo truyền thống. Trong đó, Nhật Bản có những điểm khác biệt lớn so với Việt Nam và Trung Quốc do tính chất của hệ thống chính trị. Nhưng thông qua tìm hiểu diễn tiến quan điểm và chính sách pháp luật của Trung Quốc về tôn giáo dân gian, có thể thấy được bước tiến vượt bậc của Đảng và Nhà nước Việt Nam trong tiến trình đổi mới quan điểm và chính sách đối với sự đa dạng tôn giáo truyền thống cũng như đảm bảo quyền tự do tôn giáo, tín ngưỡng cho mọi tầng lớp cư dân trong bối cảnh hiện đại hóa và hội nhập quốc tế hiện nay./.

CHÚ THÍCH:

- 1 John Kleinen (2007), *Làng Việt: đối diện tương lai, hồi sinh quá khứ (Facing the future, reviving the past. A study of social change in a Northern Vietnamese village)*, Tạp chí Xưa và Nay & Nxb. Đà Nẵng: 242.
- 2 Theo một điều tra thuộc dự án *Tôn giáo và đời sống công chúng* (Religion and Public Life Project) của Trung tâm nghiên cứu Pew (Pew Research Center) ở Mỹ đối với 232 nước và vùng lãnh thổ năm 2010, Việt Nam xếp thứ ba trên toàn cầu (sau Singapore và Taiwan) về chỉ số tính đa dạng tôn giáo (Religious Diversity Index). Tham khảo: <http://www.pewforum.org/files/2014/04/Religious-Diversity-full-report.pdf>
- 3 Arthur Wolf (1974), *Religion and Ritual in Chinese Society*, Stanford: Stanford University Press: 131-182.
- 4 Mã Tây Sa và Hàn Bính Phương (1992), *Lịch sử tôn giáo dân gian*, Nxb. Khoa học xã hội, Bắc Kinh.

- 5 Kenneth Dean (2014), *Truyền thống nghi lễ tôn giáo địa phương vùng Đông nam Trung Quốc - Thách thức về mặt định nghĩa tôn giáo và lý luận nghi lễ*, Trần Anh Đào dịch, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 9.
- 6 Kenneth Dean (2014), *Truyền thống nghi lễ tôn giáo địa phương vùng Đông nam Trung Quốc...*, bdd.
- 7 Lưu Bành (2005), *Tôn giáo và Pháp trị ở Trung Quốc*. Báo cáo tại Viện Nghiên cứu Tôn giáo, ngày 14-15 tháng 3 năm 2005. Trần Anh Đào dịch, Thư viện Viện Nghiên cứu Tôn giáo.
- 8 Lưu Bành (2005), bài đã dẫn.
- 9 Quốc Vụ viện Trung Quốc, *Điều lệ sự vụ tôn giáo* (2004). Trần Anh Đào dịch, Tư liệu Viện Nghiên cứu Tôn giáo.
- 10 Văn Vĩnh Huy (2013), “Quy chế pháp luật về tín ngưỡng dân gian trong bối cảnh đổi mới quản lý xã hội”, *Luật học Hà Bắc*, số 7. (河北法学》2013 年第 7 期《社会管理创新背景下民间信仰事务的法律规制》
- 11 Theo báo cáo của Giáo sư Fumiko Sato (Đại học Kansai) tại Viện Nghiên cứu Tôn giáo vào tháng 8 năm 2015, Nhật Bản thống kê khoảng 170 triệu người theo Thần Đạo (Shintoism), 89 triệu người theo Phật giáo, 3 triệu người theo Kitô giáo, 10 triệu người theo những tôn giáo khác.
- 12 Ichiro Hori (1994), *Folk Religion in Japan - Continuity and Change*, University of Chicago Press, Chicago, ISBN-13: 978-0226353340; ISBN-10: 0226353346 : 30.
- 13 Iwayumi Suzuki (铃木岩弓) (1998), “Sự hình thành và diễn biến của khái niệm “tín ngưỡng dân gian” ở Nhật Bản”, bản tiếng Trung, *Nghiên cứu Dân tục* (民俗研究) số 3: 20-27.
- 14 Chung Quốc Phát (1999), “Tổng thuật về nghiên cứu tín ngưỡng dân dã và tôn giáo dân gian người Hán ở Trung Quốc thế kỷ 20”, *Nghiên cứu Tôn giáo Thế giới* (TQ), số 1.
- 15 Miyake Junn (2008), *Tôn giáo dân gian của Nhật Bản* (日本の民俗宗教), bản dịch tiếng Trung của Triệu Trọng Minh, Nxb. Đại học Nam Kinh: 5-12.
- 16 Vương Hiểu Quý (2008), “Diễn biến và những vấn đề liên quan đến pháp lệnh bảo hộ di sản văn hóa phi vật thể Nhật Bản”, bản tiếng Trung, *Di sản Văn hóa*: 135-139.
- 17 Sueki Fumihiko (2011), *Lịch sử tôn giáo Nhật Bản*, Phạm Thu Giang dịch, Nxb. Thế giới, Hà Nội.
- 18 *Sự hỗn dung Thần Phật của Nhật Bản*. Báo cáo của Yoshida Kazuhiko, Giáo sư Đại học Nagoya, tại Viện Nghiên cứu Tôn giáo vào tháng 8 năm 2015.
- 19 Phạm Hồng Thái (2002), “Tìm hiểu chính sách tôn giáo của nhà nước Nhật Bản”, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 5: 52-56.
- 20 Nguyễn Ngọc Phương (2010), *Chính sách tôn giáo của Nhật Bản từ năm 1990 đến nay*, Chuyên đề nghiên cứu thuộc Viện Nghiên cứu Đông Bắc Á. Đăng Website Nghiên cứu Nhật Bản ngày 01/02/2012. <http://cjs.inas.gov.vn/index.php?newsid=581>
- 21 http://web-japan.org/factsheet/ch/pdf/ch20_religion.pdf

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Báo tàng Dân tộc học (2007), Laurel Kendall tuyển chọn, *Những phương pháp tiếp cận Nhân học về tôn giáo, nghi lễ và ma thuật*, Lưu hành nội bộ: 42-66.
2. Kenneth Dean (2014), *Truyền thống nghi lễ tôn giáo địa phương vùng Đông nam Trung Quốc - Thách thức về mặt định nghĩa tôn giáo và lý luận nghi lễ*, Trần Anh Đào dịch, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 9.

3. Sueki Fumihiko (2011), *Lịch sử tôn giáo Nhật Bản*, Phạm Thu Giang dịch, Nxb. Thế giới, Hà Nội.
4. Văn Vĩnh Huy (2013), “Quy chế pháp luật về tín ngưỡng dân gian trong bối cảnh đổi mới quản lý xã hội”, *Luật học Hà Bắc*, số 7. (《河北法学》2013 年第 7 期《社会管理创新背景下民间信仰事务的法律规制》)
5. Miyake Junn (2008), *Tôn giáo dân gian của Nhật Bản* (日本の民俗宗教), bản dịch tiếng Trung của Triệu Trọng Minh, Nxb. Đại học Nam Kinh: 5-12.
6. Quốc Vụ viện Trung Quốc, *Điều lệ sự vụ tôn giáo* (2004), Trần Anh Đào dịch, Tư liệu Viện Nghiên cứu Tôn giáo.
7. Vương Hiểu Quỳnh (2008), “Diễn biến và những vấn đề liên quan đến pháp lệnh bảo hộ di sản văn hóa phi vật thể Nhật Bản”, bản tiếng Trung, *Di sản Văn hóa*, tr. 135-139.
8. Michio Suenari (1997), *The East Asian Present - An Anthropological Exploration* (東アジアの現在: 人類学的研究の試み), 風響社, p. 373.
9. Phạm Hồng Thái (2002), “Tìm hiểu chính sách tôn giáo của nhà nước Nhật Bản”, *Nghiên cứu tôn giáo*, số 5: 52-56.
10. Robert Weller (1987), *Unities and Diversities in Chinese Religion*, University of Washington Press.
11. Arthur Wolf (1974), *Religion and Ritual in Chinese Society*, Stanford: Stanford University Press.

Abstract

A DIVERSITY OF THE TRADITIONAL RELIGIONS: CHALLENGES TO THE LAW OF RELIGION IN SOME EAST ASIA COUNTRIES

The East Asia and a part of Southeast Asia region are locations with a diversity of the religious life, of the traditional identity, and the religious tolerance. As a result of the socio-economic development and modernization, the restoration of customs and traditions has been a gradually increasing. This situation is the same in Vietnam in the Renovation period (from 1986 to now). Many customs and traditional religious practices have played an important role in this stage; However, they have also caused the challenges to the law of religion. Such nations as China or Japan have confronted those question. Through the study of cases of China and Japan, the contribute presents possible consultative points aiming to perfect the law of religion in the diversity of beliefs and traditionally religious practices in Vietnam.

Keywords: Diversity; East Asia; law; traditional religion.